

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TRONG CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Nhung¹, Phạm Thị Khánh Ninh²,
Đồng Văn Tuấn³

Tóm tắt

Trong những năm gần đây, cùng với xu thế hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế quốc tế, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam đã đạt được những con số ấn tượng. Tuy vậy, thực tế hoạt động đầu tư phát triển ngành nông nghiệp nước nhà còn nhiều hạn chế phần nào chứng tỏ tiềm năng của ngành nông nghiệp chưa được khai thác hết. Bài viết này tập trung nghiên cứu thực trạng đầu tư vào nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, chỉ ra những rào cản, khó khăn từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư vào nông nghiệp trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới.

Từ khóa: Đầu tư, nông nghiệp, phát triển, hội nhập quốc tế, sản xuất kinh doanh.

INVESTMENT ACTIVITIES IN VIETNAMESE AGRICULTURE IN THE INTERNATIONAL ECONOMIC INTEGRATION STRATEGY

Abstract

In recent years, with the trend of deep and broad integration into the international economy, Vietnam's agricultural export turnover has achieved impressive figures. However, the investment for agricultural development remains limited, which proves that the potential of the agriculture sector has not been fully exploited. This paper focuses on the current situation of investment in agriculture in the context of international economic integration, and points out the barriers and difficulties, thereby proposes some solutions that contribute to promoting agricultural investment activities in the strategy of international economic integration in the coming time.

Key words: Investment, agriculture, development, international integration, manufacturing business.

JEL classification: F, F15, Q.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là nước có nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp. Năm 2018, lần đầu tiên kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt được mốc kỷ lục: 40,2 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay, đồng thời ghi nhận nhiều mặt hàng đã chinh phục được các thị trường khó tính [10]. Bước sang năm 2019, trong bối cảnh Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 41,3 tỷ USD, thấp hơn so với mục tiêu 43 tỷ USD đề ra từ đầu năm [9]. Tuy nhiên, đây cũng được coi là kết quả khả quan trong bối cảnh thị trường xuất khẩu nông sản toàn cầu có nhiều biến động và cạnh tranh gay gắt.

Nông nghiệp mặc dù là lĩnh vực đặc biệt quan trọng, tạo sự ổn định xã hội và nâng cao chất lượng sống cho người nông dân, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Sau hơn 10 năm, tổng vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp tăng gấp đôi (từ mức hơn 22 nghìn tỷ đồng năm 2008 lên đến hơn 44,5 nghìn tỷ đồng năm 2019) [11], [14]. Tuy nhiên, về quy mô vốn này cũng chỉ mới chiếm một lượng rất nhỏ trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Nông nghiệp dù được xem là lợi thế của Việt Nam nhưng các doanh nghiệp trong Ngành đường

như vẫn rất khó để có thể sống khỏe, còn nhiều rào cản để doanh nghiệp tham gia và thành công trong lĩnh vực này. Tính đến đầu năm 2019, sau gần 35 năm đổi mới, bức tranh thu hút đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam vẫn một màu ảm đạm với con số vền vện 44519,48 nghìn tỷ VND chiếm 5,87% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; nếu xét về số doanh nghiệp ngành này có 49600 doanh nghiệp, chỉ chiếm khoảng 6,5% tổng số doanh nghiệp trong cả nước, trong khi tỷ trọng xuất khẩu nông sản chiếm tỷ trọng 15,67% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (41,3 tỷ \$/263,45 tỷ \$) [14]. Qua đây, phần nào chứng tỏ tiềm năng đầu tư vào nông nghiệp chưa khai thác hết. Xuất phát từ thực tiễn trên, tác giả nghiên cứu chủ đề “Hoạt động đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế” với mục đích phân tích thực trạng đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam thời gian qua (tập trung giai đoạn 2017 - 2019) để từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư vào nông nghiệp trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Bởi vì sản xuất NN là một thế mạnh của Việt Nam nên đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về phát triển nông nghiệp và nông thôn. Các

nghiên cứu này đa dạng về chủ đề, phân tích đánh giá nhiều khía cạnh của ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, đầu tư vào nông nghiệp vẫn là một chủ đề khó, phức tạp. Thực vậy, trong cuốn “Agriculture in the Global Economy” viết về nông nghiệp trong nền kinh tế toàn cầu của tác giả Julian M. Alston (2014) đã nghiên cứu về xu hướng phát triển ngành nông nghiệp, trong đó với các nước có thu nhập trung bình như Trung Quốc, Ấn Độ,... vẫn cần tiếp tục có sự gia tăng phát triển ngành nông nghiệp, trong khi đó với các nước có thu nhập cao như Mỹ thì mới cần có sự điều chỉnh giảm ngành nông nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế do vậy, Việt Nam trong giai đoạn hiện nay vẫn đang cần thiết đầu tư phát triển nông nghiệp. Trong nghiên cứu của Vũ Thanh Nguyên (2017) và Nguyễn Xuân Dương (2015) về chính sách đầu tư, phát triển nông nghiệp đều nêu lên những vấn đề cơ bản của chính sách nông nghiệp ở các nước đang phát triển nói chung, ở Việt Nam nói riêng; chỉ ra cần có chính sách thúc đẩy đầu tư cho phát triển ngành nông nghiệp thông qua việc nghiên cứu các lý thuyết và khảo cứu thực tiễn. Các tác giả đã cho rằng trước hết nhà nước cần có các chính sách thương mại nông sản, hướng tới đầu tư để chuyển dần sang một nền sản xuất hàng hóa gắn liền với phát triển thương mại nông sản trên thế giới... Bên cạnh các sách, luận án tiến sĩ thì cũng có một số các luận văn nghiên cứu về tình hình đầu tư vào nông nghiệp nhưng chỉ trên phạm vi địa bàn một địa phương cụ thể như ở Hà Nam, Nam Định, Hà Tây (nay là Hà Nội) ...Tuy nhiên, cũng chưa có nhiều nghiên cứu sâu về thực trạng đầu tư vào nông nghiệp thông qua phân tích qui mô, đặc điểm nguồn vốn, cơ cấu theo loại hình sản xuất nông nghiệp, phân tích sâu về các dự án và loại hình doanh nghiệp đầu tư. Trong thời gian gần đây cũng có khá nhiều bài báo phân tích về thực trạng đầu tư vào ngành nông nghiệp. Như trong nghiên cứu của Hoàng Thị Việt (2019), qua nghiên cứu kinh nghiệm huy động vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới như: Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc tác giả đã chỉ ra rằng để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp đòi hỏi nhà nước cần có những chính sách ưu đãi cụ thể về thuế, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn... Ngô Luyện, Ngọc Mai (2019) với bài viết về thực trạng thu hút đầu tư vào nông nghiệp đã làm rõ thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp, phân tích những hạn chế, vướng mắc qua số liệu về số lượng doanh nghiệp nông nghiệp đang hoạt động. Hạn chế của nghiên cứu này là chưa có số liệu chi tiết về vốn,

dự án đầu tư qua các năm. Bên cạnh đó có các bài viết như “Nông nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập”, “Một số vấn đề về thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp”,... Các bài viết này cũng gặp hạn chế về số liệu, các phân tích mang tính thời điểm thông qua một sự kiện, hội thảo chuyên đề do các cơ quan chức năng tổ chức. Nhìn chung lại, các nghiên cứu này gặp hạn chế về số liệu, số liệu còn thiếu, chưa cập nhật, các tiêu chí phản ánh kết quả đầu tư còn sơ sài, không đầy đủ.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn số liệu

Bài viết dùng số liệu thứ cấp có liên quan đến hoạt động đầu tư vào nông nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn 2017 - 2019 được trình bày trong các bài viết hội thảo, bài báo khoa học trên các tạp chí, báo điện tử; từ các số liệu đã được Tổng cục Thống kê công bố.

3.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu

** Phương pháp tổng hợp số liệu*

Thông tin dữ liệu về đầu tư nông nghiệp khá rời rạc, tác giả phải tổng hợp các số liệu để có tính hệ thống. Các số liệu sau khi được thu thập được tác giả sắp xếp, tính toán, phân tổ và trình bày kết quả tổng hợp qua bảng thống kê, đồ thị thống kê

** Phương pháp phân tích số liệu*

Phương pháp thống kê mô tả được tác giả sử dụng chủ yếu để phân tích, đánh giá hiện trạng đầu tư vào nông nghiệp của Việt Nam thời gian qua thông qua các chỉ tiêu về số bình quân, tỷ trọng, tốc độ tăng trưởng, tốc độ phát triển.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Nông nghiệp Việt Nam trong chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế

Trong thời gian qua, hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp đã tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất nông sản trong nước, cải thiện đời sống, tăng phúc lợi cho người tiêu dùng và phát triển mối quan hệ đa phương, hiệu quả với nhiều quốc gia trên thế giới. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), kể từ khi tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã có quan hệ thương mại ổn định với hơn 160 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tăng gấp 3 lần so với thời kỳ trước đó. Các nước nhập khẩu nông sản Việt Nam ngày càng mở rộng từ Bắc Mỹ, châu Âu, Đông Bắc Á, châu Úc sang Nam Mỹ, châu Phi và Tây Á; các thị trường nông sản chủ lực của Việt Nam là Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, ASEAN, Nhật Bản, Hà Lan, Anh, Úc,...

Khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và thực thi các Hiệp định mậu dịch tự do đã ký kết, nông nghiệp Việt Nam ngày càng có cơ hội đa dạng hóa

các sản phẩm và thị trường. Ngành nông nghiệp đã nhận được nhiều cơ hội như: Tạo điều kiện để tăng trưởng thương mại và đa dạng hóa thị trường, sản phẩm xuất khẩu; tạo cơ hội việc làm, phát triển sản xuất và tăng thu nhập cho nông dân. Điều này được thể hiện rõ qua kim ngạch xuất khẩu ngành thời gian qua, đặc biệt trong giai đoạn suy thoái kinh tế toàn cầu, ngành nông nghiệp Việt Nam (bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp) vẫn duy trì tăng trưởng xuất khẩu ổn định, làm chỗ dựa cho nền kinh tế quốc dân. Mặc dù tốc độ tăng GDP nông nghiệp và tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP quốc gia có xu hướng giảm, nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, tạo thu nhập và việc làm ổn định cho 20,46 triệu lao động nông nghiệp (trong tổng số 36,7 triệu lao động nông thôn). Bên cạnh đó, hội nhập đã giúp Việt Nam bước đầu vượt qua rào cản thuế quan đối với một số nông sản mà Việt Nam có thế mạnh xuất khẩu như gạo, thủy sản,... Việc gia nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới cũng giúp Việt Nam tiếp cận với nguồn nguyên liệu ổn định hơn cho sản xuất, có chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh, thúc đẩy nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất để xuất khẩu.

Thêm vào đó, quá trình hội nhập đã tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ (KH-CN), nâng cao năng suất chất lượng, khả năng cạnh tranh nông, lâm, thủy sản và tăng cường hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh thực phẩm.

4.2. Thực trạng đầu tư vào nông nghiệp

* *Số lượng các doanh nghiệp tăng mạnh sau một số cơ chế khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp của Nhà nước.*

Cùng với sự biến đổi mạnh mẽ trong xu thế hội nhập, trong những năm gần đây, các cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp của nước ta liên tục được bổ sung, hoàn thiện, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế

nông nghiệp. Nhà nước đã xây dựng khung pháp lý ngày một thông thoáng và ban hành nhiều chính sách ưu đãi thu hút đầu tư tư nhân trong và ngoài nước vào nông nghiệp, nông thôn.

Tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư (2020) sửa đổi, Luật Doanh nghiệp (2020) sửa đổi, Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa (2017). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chính sách thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như chính sách khuyến khích DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Trong 5 năm trở lại đây, Chính phủ đã ban hành 5 nghị quyết về các chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đã có nhiều ưu đãi, hỗ trợ cho DN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các Nghị định mới tập trung vào các cơ chế chính sách ưu đãi về sử dụng, thuê đất đai, mặt bằng kinh doanh, ưu đãi về thuế, hỗ trợ tín dụng, đào tạo lao động, phát triển thị trường, đầu tư cơ sở hạ tầng đến hàng rào DN, ưu tiên hỗ trợ một số dự án đầu tư vào nông nghiệp nhất là các dự án về liên kết, chế biến sâu, ứng dụng khoa học công nghệ cao; Giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh phân cấp về địa phương. Đây là những cơ hội tốt tạo điều kiện thuận lợi cho DN khi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Với việc các cơ chế, chính sách liên tục được Nhà nước bổ sung, hoàn thiện đã giúp ngành nông nghiệp đạt được kết quả khá toàn diện và ổn định trong nhiều năm. Trong giai đoạn 2005 - 2016, số lượng các DN hoạt động trực tiếp sản xuất nông nghiệp tăng từ trên 2.000 DN lên hơn 4.000 DN. Tiếp đến, từ năm 2017 đến nay, hiệu quả của các chính sách của nhà nước đã bắt đầu có những tác động tích cực, số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này đã có sự gia tăng mạnh mẽ.

Bảng 1: Số lượng DN đầu tư SXKD vào lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Bình quân giai đoạn 2017 - 2019	
				Lượng tăng (DN)	Tốc độ tăng (%)
Số lượng DN trực tiếp SXNN (DN)	7033	9235	12581	2774	33,7
Số lượng DN ngành NN (DN)	35842	42000	49600	6879	17,6
Tổng số doanh nghiệp (DN)	649997	714755	760132	52798	7,8
Tỷ lệ so với DN chung cả nước (%)	1,07	1,29	1,66	x	x
Tỷ lệ DN ngành NN so với tổng số DN (%)	5,55	5,87	6,52	x	x

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả [1], [4], [5], [8], [12], [13], [14]

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ban hành ngày 17/04/2018 đã tạo bước ngoặt, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tiếp theo xu hướng phát triển từ năm 2017, số doanh nghiệp nông nghiệp (doanh nghiệp ngành nông nghiệp nói chung hay doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, gọi là DN NLTS) tiếp tục có xu hướng tăng từ 35.842 doanh nghiệp năm 2017 lên 49.600 doanh nghiệp năm 2019, so với năm 2017, số doanh nghiệp đầu tư vào ngành này đã tăng thêm 6.879 doanh nghiệp. Tính riêng năm 2019, số doanh nghiệp NLTS thành lập mới là 2.756 doanh nghiệp, tăng 25,3% so với năm 2018, nâng tổng số doanh nghiệp NN lên 12.581 doanh nghiệp, tăng 36,23% (NLTS là một trong những lĩnh vực có số doanh nghiệp quay lại hoạt động cao hơn đáng kể so với lượng tạm ngừng). Điều đáng nói là trong giai đoạn này, giai đoạn đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp do Thủ tướng chính phủ phát động, tốc độ tăng bình quân của doanh nghiệp đầu tư vào ngành nông nghiệp tăng đáng kể, cao hơn rất nhiều so với sự tăng trưởng của các doanh nghiệp nói chung, tăng 17,6% mỗi năm trong giai đoạn, nếu tính riêng các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì tốc độ tăng trong giai đoạn này là 33,7%. các con số này rất ấn tượng so với tốc độ tăng số doanh nghiệp nói chung của cả nước về tốc độ tăng bình quân số lượng các DN là 7,8% trong giai đoạn (2017 - 2019). Tuy nhiên, nếu xét về cơ cấu thì tỷ trọng doanh nghiệp trực tiếp SXKD nông nghiệp nhỏ so với tổng số doanh nghiệp trong cả nước. Tỷ trọng này có xu hướng tăng nhưng chưa

đạt 2% còn nếu xét cơ cấu của các DN SXKD ngành nông nghiệp so với tổng số các lĩnh vực khác thì con số này cũng chưa vượt quá 7% trong khi tỷ trọng xuất khẩu nông sản chiếm tỷ trọng 15,67% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (41,3 tỷ \$/263,45 tỷ \$). Hơn nữa, thực tế thời gian qua, vấn đề thiếu hụt về hạ tầng logistic, thiếu sự liên kết giữa nhà doanh nghiệp và việc ứng dụng KHCN còn hạn chế nên việc tiêu thụ hàng nông sản còn gặp khó khăn, vẫn có tình trạng ứ đọng nông sản, hoặc đa phần mới dừng lại ở tiêu thụ sản phẩm thô. Qua đây, phần nào chứng tỏ tiềm năng đầu tư vào hạ tầng nông nghiệp, phát triển hệ thống logistic, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp, ứng dụng KHCN cao còn rất lớn. Bên cạnh đó, đây là ngành sở hữu một lực lượng lao động lớn, điều đó phần nào chứng tỏ ngành nông nghiệp ở nước ta vẫn theo mô hình thâm dụng lao động. Vì vậy, cần có nhiều thay đổi từ trong chủ trương, chính sách thu hút đầu tư, ứng dụng KHCN mới, chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp và xây dựng thành công nông thôn mới.

** Vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ.*

Đầu tư vào nông nghiệp là một hình thức đầu tư tồn tại nhiều rủi ro vì bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thời tiết, thiên tai, dịch bệnh. Do đó, nhiều doanh nghiệp trong nước và nước ngoài khá dè dặt khi đầu tư vào lĩnh vực này nếu như doanh nghiệp không có thể mạnh về công nghệ và nguồn vốn không đủ lớn. Do vậy, tốc độ tăng vốn thời gian qua khá lớn nhưng xét về quy mô vốn đầu tư thu hút vào ngành này còn khá khiêm tốn.

Bảng 2: Vốn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2019

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Bình quân giai đoạn 2017 - 2019
Số lượng vốn (nghìn tỷ VNĐ)	33.598	39.160	44.519,48	39.109,37
Lượng tăng giảm (nghìn tỷ VNĐ)	-	5.562	5.359,48	5.460,74
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	16,55	13,69	15,11
Tỷ lệ so với tổng vốn ĐTXH	5,43	5,69	5,87	5,68

Trong hơn 10 năm, tổng vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp có sự gia tăng mạnh mẽ. Năm 2008, với 22 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, đến năm 2019 vốn này đã tăng gấp đôi lên 44,5 nghìn tỷ đồng. Nếu chỉ tính trong giai đoạn 2017- 2019, vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp đã tăng thêm 10921,48 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tăng lên 5460,75 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng vốn bình quân trong giai đoạn là 15,11%. Mặc dù vậy, nếu xét về tỷ lệ vốn đầu tư ngành này

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả [12], [13], [14]

so với tổng vốn đầu tư qua các năm trong cả giai đoạn cũng không vượt quá 6%. Tuy tỷ lệ này có xu hướng tăng dần qua các năm nhưng tính bình quân cả giai đoạn cũng chỉ chiếm 5,68%. Điều này cho thấy lượng vốn đầu tư vào khu vực này còn khá khiêm tốn. Mặc dù đặc thù ngành nông nghiệp từ lịch sử để lại là ngành không đòi hỏi chi phí vốn đầu tư cao cho mỗi doanh nghiệp nhưng trong giai đoạn tới với xu hướng cần đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp thì nhu cầu

vốn để phát triển ngành theo hướng hiện đại này vẫn còn rất lớn.

Sự đầu tư, phát triển của các DN nông nghiệp còn có vai trò quan trọng và đóng góp nhiều trong việc thúc đẩy sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn và góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tổng số lao động thường xuyên làm việc trong các DN nông nghiệp năm 2017 là hơn 300 nghìn người, chiếm 2,3% tổng số lao động trong khu vực DN cả nước. Bình quân mỗi DN nông nghiệp sử dụng 30 lao động, cao hơn so với số lao động bình quân trong DN chung cả nước là 28 lao động/DN. Tuy nhiên, nếu xét về vốn đầu tư bình quân cho mỗi DN thì vốn đầu tư bình quân cho doanh nghiệp ngành nông nghiệp chưa bằng 1/10 vốn đầu tư bình quân cho doanh nghiệp nói chung, điều này nói lên rằng

các trang thiết bị ở các doanh nghiệp nông nghiệp vẫn nghèo nàn, thô sơ, lạc hậu và đa phần đã khấu hao nhiều. Chính vì vốn đầu tư cho lĩnh vực này còn nhiều hạn chế nên nhìn chung, trình độ công nghệ chế biến của các DNNN mới chỉ đạt mức trung bình của thế giới; nhiều cơ sở chế biến của một số ngành hàng có tuổi đời hơn 15 năm với thiết bị cũ kỹ, công nghệ lạc hậu, năng suất thấp. Bên cạnh đó, do thiếu cơ sở vật chất bảo quản đủ chất lượng nên tỷ lệ tổn thất nông sản sau thu hoạch của nước ta còn khá lớn, khoảng 10 - 20%. Sản phẩm chủ yếu vẫn là sơ chế có giá trị gia tăng thấp, chiếm tỷ lệ khoảng 70 - 85%; còn sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao chỉ chiếm khoảng 15 - 30%. Đây là nguyên nhân không nhỏ làm cho hiệu quả SXKD ngành nông nghiệp không cao.

Bảng 3: Quy mô vốn bình quân một doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Số lượng vốn (nghìn tỷ VNĐ)	33598	39160	44519
Số lượng DN ngành NN (DN)	35842	42000	49600
Vốn bình quân trên DNNN (tỷ VNĐ)	0,937	0,942	0,897
Vốn Bq DN nói chung (tỷ VNĐ)	10,2	11,3	12,5
Vốn bq DN/Vốn bq DNNN (lần)	10,88	11,99	13,93

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả [1], [12], [13], [14]

Vốn đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế do hạn chế cả đầu tư công và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với các nhà đầu tư nước ngoài, khu vực nông nghiệp của Việt Nam tuy được đánh giá là có tiềm năng rất lớn nhưng vẫn rất khó thu hút vốn FDI, vẫn dừng lại ở mức manh mún và nhỏ lẻ. Và chính điều này làm nông nghiệp Việt Nam lại rơi vào vòng luẩn quẩn, vì manh mún, nhỏ lẻ nên khó trong thu hút vốn FDI. Với 38 tỷ \$ vốn FDI năm 2019 là một điểm sáng nhưng đáng ngại khi nhìn vào cơ cấu đầu tư, vốn FDI cho nông nghiệp không những không tăng mà còn giảm từ bình quân gần 1% những năm trước còn hơn 0,26% trong năm 2019. Năm 2018, cả nước có 25.339 dự án đầu tư, trong đó, chỉ có 522 dự án đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp với tổng lượng vốn gần 3.577 triệu USD, chiếm 1,22% trong tổng vốn đầu tư. Nhật Bản là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn thứ 2 của Việt Nam, đồng thời là một trong những nhà đầu tư tích cực trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng tính tới hiện tại giá trị đầu tư trực tiếp của Nhật Bản vào nông nghiệp ở Việt Nam mới đạt 240 triệu USD, tương đương với 0,04% tổng vốn đầu tư của Nhật Bản tại Việt Nam (57 tỷ USD) [5]. Theo số liệu từ Cục đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ, chiếm 92,35%, tiếp đến

là doanh nghiệp có quy mô lớn với 5,59% và doanh nghiệp có quy mô vừa với 2,06%.

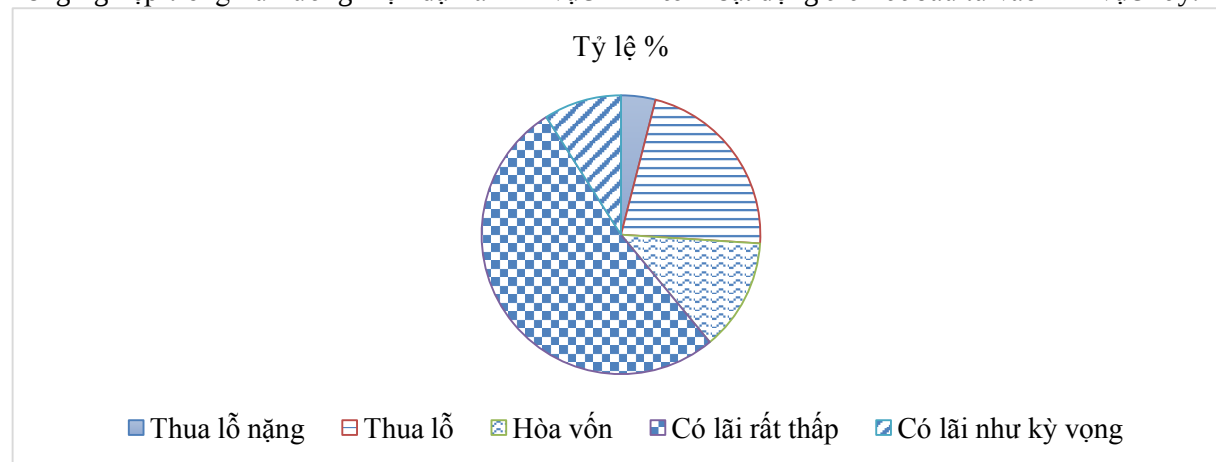
Đây là lĩnh vực khó thu hút đầu tư nước ngoài nhưng với vốn đầu tư công cũng không có dấu hiệu khả quan hơn. Nguồn lực đầu tư công phân bổ cho nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 chỉ tăng 1,26 lần so với 5 năm trước (2001 - 2015), chỉ đáp ứng khoảng 30% nhu cầu cho các dự án thực hiện tái cơ cấu ngành, khắc phục và ứng phó thiên tai đã được chuẩn bị nhưng không có nguồn vốn để thực hiện. Năm 2019, tổng kế hoạch vốn đầu tư Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao là 14.606 tỷ đồng; trong đó vốn trong nước 1.246 tỷ đồng, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) 2.360 tỷ đồng, vốn trái phiếu chính phủ 11.000 tỷ đồng [8], [14]. Nông nghiệp là ngành kinh tế có tỷ suất lợi nhuận đầu tư không cao lại chịu nhiều rủi ro nên vốn dĩ không thu hút được các nguồn lực đầu tư. Song, điều này cũng xảy ra tương tự trong lĩnh vực đầu tư công. Do vậy, rất cần tiếp tục có những chính sách mạnh hơn nữa của Chính phủ để thúc đẩy, hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp trong thời gian tới.

** Lĩnh vực nhiều rủi ro nhưng hiệu quả đầu tư thấp.*

Đầu tư vào nông nghiệp thực sự không dễ dàng vì tỷ suất lợi nhuận thấp và tương đối rủi ro nên kén nhà đầu tư. Bên cạnh đó, đây là hình thức

đầu tư dài hạn, trong khi doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với các khoản vay có thời hạn ngắn, lãi suất biến động. Việc thống kê số liệu về hiệu quả SXKD của các DNNVV đã khó và đặc biệt với lĩnh vực SXKD nông nghiệp còn khó hơn nhiều do vậy các số liệu này không được cập nhật thường xuyên. Tuy vậy, theo một cuộc điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) theo số liệu công bố năm 2017 thực hiện trên 685 doanh nghiệp đã cho thấy, đầu tư vào nông nghiệp trong xu hướng hiện đại là lĩnh vực

cần vốn lớn, rủi ro cao nhưng lợi nhuận lại không được như kỳ vọng. Theo đó, có tới 22% số doanh nghiệp trả lời bị thua lỗ, 13% hòa vốn và 4% thua lỗ nặng. Như vậy, có tới gần 40% doanh nghiệp nông nghiệp kinh doanh thua lỗ và hòa vốn. Chỉ 9% doanh nghiệp có lãi như kỳ vọng; còn lại hơn 50% lãi rất thấp [16]. Trong đó, có khá nhiều DNNN có kết quả SXKD không hiệu quả bởi biến động rủi ro của cả thị trường nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, đây rào cản không nhỏ tác động tới hoạt động thu hút đầu tư vào lĩnh vực này.



Đồ thị 01: Hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp nông nghiệp

Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán từ nguồn số liệu của VCCI

4.3. Khó khăn, thách thức và nguyên nhân

Một là, thiếu vùng nguyên liệu nên việc đầu tư SXKD vào nông nghiệp gặp không ít khó khăn.

Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp chưa chủ động được nguồn cung nguyên liệu đảm bảo về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, khả năng chế biến đối với không ít ngành hàng còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là vào cao điểm mùa vụ như rau quả, gây tổn thất sau thu hoạch. Nguyên nhân do những hạn chế, yếu kém nội tại của nền sản xuất nông nghiệp nhỏ, lạc hậu chậm được khắc phục thời gian qua sẽ vẫn là thách thức lớn, không những vậy, khả năng hiểu biết về hội nhập của doanh nghiệp nông nghiệp cũng rất thấp. Cũng chính vì thế mà khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh và liên kết sản xuất theo chuỗi sản phẩm nông nghiệp cũng như khả năng áp dụng KHCN của các doanh nghiệp thấp.

Hai là, thiếu hạ tầng gây rủi ro trong SXKD lĩnh vực nông nghiệp.

Các hạ tầng về logistics, hạ tầng công nghệ, công nghiệp cơ khí và bảo hiểm ...thiếu hụt đã ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong mảng tiêu thụ nông sản. Nguyên nhân, do lĩnh vực này sản phẩm có tính đặc thù, chịu ảnh hưởng nhiều của khí hậu thời tiết, dịch bệnh.

Ba là, các nguồn lực cho tăng trưởng ngày càng khan hiếm và sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các lĩnh vực khác.

Bốn là, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn trong khi các mối quan hệ trong sản xuất chưa bắt kịp.

Thị trường tiêu thụ không bền vững, chuỗi liên kết nếu có thường chưa đủ chặt chẽ, các nhà phân phối bán lẻ lỏng lẻo; chưa có tổ chức, cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp về việc hỗ trợ các doanh nghiệp về phân tích, dự báo thị trường, khuyến nghị về sản lượng và giá bán.

5. Đề xuất chính sách và giải pháp thúc đẩy hoạt động đầu tư vào nông nghiệp

* Mục tiêu đầu tư phát triển các DNNN đến năm 2030.

- Mục tiêu chung:

Phát triển nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; sản xuất hàng hóa lớn, áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh; cải thiện và ngày càng nâng cao đời sống nông dân; xây dựng nông thôn văn minh hiện đại.

- Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2030, nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới, trong đó ngành chế biến nông sản đứng trong số 10 nước

hàng đầu thế giới. Về số lượng doanh nghiệp: Việt Nam có 80.000 đến 100.000 doanh nghiệp có hoạt động đầu tư SXKD trong lĩnh vực nông nghiệp hiệu quả, trong đó khoảng 3.000 đến 4.000 doanh nghiệp có quy mô lớn và 6.000 đến 8.000 doanh nghiệp quy mô vừa [7].

** Đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam trong thời gian tới.*

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về khởi nghiệp và hội nhập quốc tế nhằm thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp thay cho kinh tế nông nghiệp. Đây được xác định là giải pháp đầu tiên, rất quan trọng để tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các cấp, ngành, địa phương và người dân và về xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa cạnh tranh quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp, ngành, địa phương, khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương này.

Trong xu thế hội nhập, để nông nghiệp Việt Nam phát triển, cần phải xóa bỏ những mặt hạn chế trong tâm lý tiểu nông thường có của người Việt Nam thì mới xóa bỏ được tình trạng phá vỡ các hợp đồng kinh tế, tùy tiện hạ giá sản phẩm nông sản trên thị trường, không quan tâm đến lợi ích chung, không thích làm ăn lớn, duy trì lối sản xuất theo kinh nghiệm, không có đổi mới sáng tạo trong sản xuất dẫn đến năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông nghiệp còn thấp. Các cơ quan chức năng, nhất là các chính quyền địa phương cần có sự tuyên truyền vận động tích cực; thường xuyên mở các lớp tập huấn cho nông dân tại các địa phương, làm cho nông dân thay đổi nhận thức và bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của tâm lý tiểu nông. Giáo dục ý thức chấp hành luật pháp cho nông dân, để xóa bỏ tư tưởng “phép vua thua lệ làng”, trọng tình hơn lý, xóa bỏ tâm lý trọng họ hàng, cục bộ. Chính quyền địa phương cần mở các lớp tham quan học tập kinh nghiệm cho nông dân, làm cho nông dân mở mang tầm nhìn, sáng tạo và dám nghĩ, dám làm lớn để thay đổi tư duy mạnh mẽ hơn. Lúc đầu có thể chỉ tổ chức lớp học cho một số nông dân tiêu biểu, sau đó nhân rộng ra, nếu thấy việc học tập đó mang lại hiệu quả tốt. Thêm nữa, phải hướng dẫn nông dân sản xuất theo hướng kinh tế thị trường, tức là sản xuất “cái thị trường cần” chứ không sản xuất “cái mình muốn có”, như vậy sản phẩm của người nông dân làm ra mới bán được và thu được lợi nhuận.

Thứ hai, có các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, tập trung giải quyết các vấn đề căn cốt trong chuỗi sản xuất, nhất là công nghệ giống, quy trình sản xuất và chế biến, tiêu thụ; phát triển mạnh nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả của ngành. Đặc biệt là có các hoạt động đổi mới, sáng tạo để có thể ứng phó với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch bệnh.

Thứ ba, tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội, thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới. Thúc đẩy lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp phát triển mạnh. Theo đó, cần đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tổ chức sản xuất hàng hóa lớn gắn với lợi thế từng vùng và theo nhu cầu của thị trường. Đầu tư cơ giới hóa theo chuỗi giá trị và tập trung vào những sản phẩm chủ lực. Trong bối cảnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng bền vững và nâng cao giá trị gia tăng, thu hút được nguồn vốn FDI với số lượng, chất lượng và quy mô phù hợp có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Thứ tư, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển thị trường. Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; tổ chức nghiên cứu, đánh giá tác động của hội nhập quốc tế đem lại, tuyên truyền phổ biến để các địa phương, doanh nghiệp và người dân có phương án SXKD phù hợp; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, phát triển thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

Tổ chức lại hệ thống thương mại nông sản nội địa; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc hàng nông sản.

Nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo cung cầu nông sản, cung cấp kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp và người dân điều chỉnh sản xuất phù hợp; tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối; kết nối thị trường trong nước với thị trường toàn cầu.

Phát triển các cụm liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ nông sản tại các địa phương, vùng miền có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, có tiềm năng trở thành cực động lực tăng trưởng cho cả khu vực. Lựa chọn các doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực (vốn, khoa học công nghệ, thị trường) để dẫn dắt chuỗi liên kết vận hành một cách thông suốt, hiệu quả.

Tập trung cơ cấu lại công nghiệp chế biến nông sản theo hướng nâng tỷ lệ chế biến sâu, chế biến tinh có giá trị gia tăng cao và giảm tỷ lệ chế biến thô có giá trị gia tăng thấp; cân đối hợp lý sản phẩm chế biến ở 3 cấp (Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và Nhóm sản phẩm là đặc sản địa phương).

Để phát triển được thị trường tiêu thụ một cách bền vững cần hình thành những tập đoàn nông sản mạnh. Việc hình thành các tập đoàn nông sản mạnh là rất cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế như hiện nay. Hình thành các tập đoàn nông sản mạnh giúp cho nông sản Việt Nam có thể ổn định và phát triển được thị trường trong nước cũng như đủ sức cạnh tranh với nông sản quốc tế. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, rất nhiều loại nông sản của các nước vào thị trường Việt Nam và cạnh tranh rất mạnh mẽ với nông sản của Việt Nam.

Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trở thành khách hàng, thị trường của nhau hoặc chia sẻ nguồn nguyên liệu mới có thể cùng nhau vượt qua được các khó khăn, bị động của thị trường tiêu thụ nước ngoài, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh khó khăn như hiện nay. Một vấn đề khác phải làm ngay đó là đẩy mạnh ngành chế biến, đặc biệt là mặt hàng nông sản. Chính việc xuất khẩu thô, sản phẩm tươi sống là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tiêu thụ nông sản gặp khó khăn thời gian qua. Phát triển

chế biến sâu không chỉ giúp người sản xuất nguyên liệu có nơi tiêu thụ ổn định mà còn làm gia tăng giá trị sản phẩm và định hình thương hiệu cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, cần xây dựng chuỗi giá trị nông nghiệp có chú trọng đặc biệt đến vị trí, vai trò của người nông dân. Xây dựng chuỗi giá trị cho nông nghiệp có vai trò quan trọng nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, nâng cao thu nhập của nông dân, đồng thời đặt ra yêu cầu đòi hỏi với người nông dân về tư duy, trình độ.

6. Kết luận và các khuyến nghị

Với mục tiêu phấn đấu nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới; là một trung tâm chế biến sâu của nông nghiệp thế giới, trung tâm logistics của thương mại nông sản toàn cầu vào năm 2030. Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam được xác định có vai trò “trụ cột” trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp nước ta theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh cho nông sản Việt. Ngành nông nghiệp cần thu hút được lượng vốn đầu tư lớn để các doanh nghiệp có đủ sức mạnh cạnh tranh trong xu hướng hội nhập. Nhà nước cần có các giải pháp tạo môi trường hoạt động SXKD có hiệu quả, tạo lực hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp trong thời gian tới thông qua: (1) đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về khởi nghiệp và hội nhập quốc tế nhằm thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp thay cho kinh tế nông nghiệp; (2) có các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ mới; (3) tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội, thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư; (4) đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2019). *Báo cáo hội nghị toàn quốc về thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp*, 27/7/2019, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Xuân Dương. (2015). *Thu hút đầu tư của nước ngoài vào nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh*, LATTS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- [3]. Julin M. Alston. (2014). *Agriculture in the Global Economy*. University of California
- [4]. Ngô Luyện, Ngọc Mai. (2019). *Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam*. Website: <http://kinhte.saodo.edu.vn/tin-moi/thuc-trang-thu-hut-von-dau-tu-vao-nong-nghiep-viet-nam-672.html>, ngày truy cập 14/03/2020
- [5]. Phương Linh. (2020). Cuộc đua đầu tư của các “ông lớn” vào nông nghiệp. *Tạp chí Nhà đầu tư*, Số 1/2020, Hà Nội.
- [6]. Vũ Thanh Nguyên. (2017). *Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp hiện đại ở tỉnh Hải Dương*. LATTS Kinh tế, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
- [7]. Nghị quyết số 53/NQ-CP-2019, Nghị quyết của Chính phủ ngày 17/07/2019.
- [8]. Tổng cục Thống kê. (2019). *Nông nghiệp Việt Nam, 5 năm phát triển toàn diện*. Tổng cục Thống kê, Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2019.

- [9] Thanh Trà. (2020). *Năm 2020, ngành Nông nghiệp phấn đấu kim ngạch xuất khẩu hơn 40 tỷ USD*. Website: <https://nhandan.com.vn/kinhte/item/42776402-nam-2020-nganh-nong-nghiep-phan-dau-dat-kim-ngach-xuat-khau-hon-42-ty-usd.html>, ngày truy cập 10/3/2020
- [10]. Thanh Tâm. (2019). *Kim ngạch xuất khẩu nông sản năm 2018 đạt kỷ lục hơn 40 tỷ USD*. Website: <https://www.nhandan.com.vn/kinhte/item/40818902-kim-ngach-xuat-khau-nong-san-2018-dat-ky-luc-hon-40-ty-usd.html>, ngày truy cập 10/3/2020
- [11]. Lê Thị Trang. (2018). Một số vấn đề về thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 - tháng 12 năm 2018.
- [12]. Tổng cục Thống kê. (2017). *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội năm 2017*. Website: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=&ItemID=18667> Truy cập 11/03/2020
- [13]. Tổng cục Thống kê. (2018). *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2018*. website: https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=19036&fbclid=IwAR2138KqtFBo-toarlOhUYWjLgIRLmAkJ6C2VtRb9V_IK1-XFxPytUkw63U Truy cập 14/03/2020
- [14]. Tổng cục Thống kê. (2019). *Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2019*. Website: <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID>.
- [15]. Hoàng Thị Việt. (2019). Kinh nghiệm huy động vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở một số quốc gia. *Tạp chí tài chính*, tháng 4 năm 2019.
- [16]. VCCI. (2017). *Nhiều rào cản trong đầu tư vào nông nghiệp*. Website: <https://vcci.com.vn/nhieu-rao-can-trong-dau-tu-vao-nong-nghiep>, ngày truy cập: 02/04/2020.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Nhung

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: nhungnt@tueba.edu.vn

2. Phạm Thị Khánh Ninh

- Đơn vị công tác: K13 - KTĐT - Trường ĐH Kinh tế & QTKD

3. Đồng Văn Tuấn

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 24/04/2020

Ngày nhận bản sửa: 13/05/2020

Ngày duyệt đăng: 30/06/2020